

PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG FDI ĐẾN PHÚC LỢI XÃ HỘI: DẪN CHỨNG TỪ CÁC QUỐC GIA CHÂU Á

Đinh Hồng Linh

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên

Email: dhlh23@gmail.com

Trần Văn Nguyễn

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

Email: tran.nguyen0241@uq.net.au

Ngày nhận: 7/10/2017

Ngày nhận bản sửa: 03/01/2018

Ngày duyệt đăng: 25/01/2018

Tóm tắt:

Bài viết này tập trung làm rõ tác động của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến phúc lợi xã hội tại các nước châu Á giai đoạn 1990 – 2015. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân bố không đồng đều trong mối quan hệ giữa FDI và chỉ số phát triển con người (HDI) giữa các quốc gia. Trong đó, việc thu hút dòng vốn FDI cao không đảm bảo có sự tác động tích cực tới HDI của quốc gia đó. Hơn nữa, nghiên cứu của chúng tôi cung cấp bằng chứng về mối quan hệ ngược chiều giữa FDI với tăng trưởng trong phúc lợi xã hội, được đo lường thông qua chỉ tiêu HDI. Bên cạnh đó, thu hút FDI dù có tác động tiêu cực tới chỉ số về giáo dục, chỉ số thu nhập và chỉ số y tế của nhóm các quốc gia trong khu vực, nhưng các kết quả này không có ý nghĩa về mặt thống kê.

Từ khóa: Phát triển con người, FDI, chỉ số y tế, chỉ số thu nhập và chỉ số giáo dục.

Analysing the Impacts of FDI on Social Welfare: Evidence from Asian Countries

Abstract:

This paper aims to investigate the impacts of FDI inflows on welfare in 33 Asian countries from 1990 to 2015. The results show the unequal distribution in the relationship between FDI and HDI among Asian countries. Higher FDI attraction does not guarantee higher improvement in HDI. The empirical results also provide evidence of the negative relationship between FDI and growth in social welfare, measured by HDI. In addition, FDI attraction has negative impacts on indices of education, income and health, but the results are not statistically significant.

Keywords: Human development; FDI; health index; income index; education index.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, dòng chảy vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các quốc gia châu Á đã thay đổi nhanh chóng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Từ năm 1995 đến năm 2003, FDI vào các nền kinh tế trong khu vực (không bao gồm các quốc gia Tây Á) tăng từ 111 tỷ USD đến 182 tỷ USD, tăng vọt đạt 704 tỷ USD trong năm 2007, gấp gần 10 lần so với một thập niên trước đó. FDI luôn được coi là có đóng góp

quan trọng cho tăng trưởng kinh tế trong suốt thời kỳ này. Chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, tăng trưởng FDI tuy chậm lại đáng kể trong giai đoạn 2008 - 2010, đặc biệt riêng năm 2009 đã chứng kiến 28% sự suy giảm của dòng vốn FDI (UNCTAD, 2017) so với năm trước, nhưng FDI vẫn được coi là có đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của các quốc gia châu Á. Đến năm 2013, FDI vào các nước nói trên đã lên tới 382 tỉ USD vào năm 2013, cao hơn 4% so với năm 2012.

Nghiên cứu của Birdsall & cộng sự (2010) đã chỉ ra áp lực quốc tế hoá thúc đẩy các nước đang phát triển tạo môi trường thuận lợi cho dòng vốn FDI chảy vào các quốc gia châu Á. Trước đó, Rodrick (2006) cũng đề cập đến việc đưa các giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư vào thoả thuận *Washington* trong quá trình hoạch định chính sách kinh tế tại các nước đang phát triển. Có rất nhiều nghiên cứu xác định FDI có tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (Li & Liu, 2005; Zang, 2001; De Mello, 1999; Borensztein & cộng sự, 1998; hay Mallampally & Sauvart, 1999), và FDI được xem như là yếu tố chính thúc đẩy sự chuyển giao các nguồn lực từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển. Tuy nhiên, mục tiêu cuối cùng của mỗi một nền kinh tế vẫn là phát triển con người một cách toàn diện trong khi tăng cường thu hút FDI không đồng nghĩa với việc nâng cao các điều kiện về con người. Nhà kinh tế học đoạt giải Nobel Sen (1995 và 1998) đã chỉ ra rằng sự phát triển của một nền kinh tế phụ thuộc vào rất nhiều các điều kiện về kinh tế và xã hội. Do đó, chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế chưa đủ để đo lường mức độ phát triển con người hay phúc lợi xã hội.

FDI có góp phần thúc đẩy sự phát triển của con người tại các quốc gia trong khu vực châu Á hay không là vấn đề rất cần có lời giải đáp. Mặc dù có một số nghiên cứu đã đánh giá tác động của FDI đến chỉ số phát triển con người (HDI) nhưng kết luận về tác động giữa chúng còn nhiều mâu thuẫn. Cụ thể, trong khi Reiter & Steensma (2010) và Lehnert & cộng sự (2013) chỉ ra rằng FDI có ý nghĩa thúc đẩy HDI, nghiên cứu của Basu & Azmat (2004) lại cho rằng mặc dù FDI có tác động cùng chiều đến HDI nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê. Đặc biệt hơn, trong nghiên cứu của Bende-Nabendem & cộng sự (2003) lại chứng minh rằng FDI có tác động tiêu cực đến phát triển con người tại một số quốc gia đang phát triển như Philippines và Thái Lan. Ngoài ra, các nghiên cứu đề cập đến mối quan hệ giữa chúng ở các quốc gia châu Á vẫn còn hạn chế.

Nghiên cứu này được thực hiện cho 33 quốc gia châu Á trong giai đoạn 1990 – 2015 dựa trên dữ liệu mảng kết hợp với phương pháp ‘Dynamic Panel-GMM estimators’. Phúc lợi xã hội được đo lường thông qua chỉ số về phát triển con người (Human Development Index - HDI). Đây là chỉ tiêu phổ biến nhất đo lường phúc lợi xã hội (Sen, 1999; UNDP, 1990). Mục tiêu chính của nghiên cứu nhằm chỉ ra được vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến

phúc lợi xã hội, được đo lường thông qua chỉ tiêu chỉ số phát triển con người. Đồng thời, nghiên cứu tập trung lý giải và phân tích mức độ tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phúc lợi xã hội thông qua các tác động lan tỏa của chúng và từng thành phần cụ thể trong chỉ số phát triển con người bao gồm các chỉ số về giáo dục, y tế và thu nhập.

2. Tổng quan nghiên cứu

Vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế được thể hiện ngay từ các quan điểm của các nhà kinh tế học tân cổ điển đến những nghiên cứu gần đây. FDI từ các nước phát triển được coi là một yếu tố không tách rời đối với tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia đang phát triển. Các nghiên cứu của Todaro (1989), Vernon (1966) và Reiter & Steensma (2010) cho rằng các quốc gia đang phát triển được hưởng lợi trực tiếp từ FDI thông qua sự đa dạng dòng vốn, tăng thu nhập từ thuế và tạo việc làm. Bên cạnh đó, cũng có những lập luận cho rằng sự thâm nhập và cạnh tranh của các doanh nghiệp nước ngoài sẽ thúc đẩy hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp trong nước. FDI được coi như một nhân tố quan trọng trong việc chuyển giao công nghệ đến các doanh nghiệp địa phương, đồng thời thúc đẩy tăng cường mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp này, từ đó có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, cạnh tranh cao được xem là nguồn gốc nâng cao năng suất ở các doanh nghiệp địa phương và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước tiếp nhận đầu tư (Agosin & Machado, 2005 và Al-Sadig, 2013). Tuy nhiên, Borensztein & cộng sự (1998) chỉ ra FDI có góp phần tích cực tới sự thay đổi cấu trúc doanh nghiệp (thông qua tác động tới vốn đầu tư nội địa và tăng năng suất lao động) hay không còn phụ thuộc vào nguồn nhân lực, mức độ thu nhập và địa lý.

Vai trò của FDI còn được thể hiện thông qua việc thúc đẩy nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở các quốc gia tiếp nhận. Tác động lan tỏa của FDI dẫn đến việc tăng nhu cầu lao động có kỹ thuật cao do sự lan tỏa công nghệ. Điều này có lợi ích lâu dài đối với sự phát triển con người, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển. Feenstra & Hanson (1997) thực hiện nghiên cứu phân tích về các ngành sản xuất ở Mexico trong giai đoạn 1975 – 1988 đã khẳng định FDI đóng vai trò đáng kể trong sự gia tăng lao động lành nghề. Hơn nữa, tăng trưởng vốn FDI có mối tương quan thuận chiều đến tăng nhu cầu về lao động kỹ thuật cao và tăng tiền lương cho lao động trình độ cao. Bên cạnh đó, theo Aitken & cộng

sự (1996), các doanh nghiệp nước ngoài có sự hình thành nguồn nhân lực lớn hơn so với các doanh nghiệp nội địa ở các quốc gia bao gồm Venezuela, Mexico và Mỹ. Tuy nhiên, các tác giả này lại gợi ý sự tác động ngược chiều của đầu tư nước ngoài trong việc tăng năng suất ở các công ty trong nước. Phát hiện này cho thấy FDI chỉ có tác động tích cực đến việc hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao tại các doanh nghiệp nước ngoài, từ đó nâng cao lợi ích của các công ty nước ngoài trong dài hạn.

Việc FDI có thể có tác động tiêu cực đến các doanh nghiệp nội địa sẽ gây bất lợi cho sự phát triển kinh tế và phúc lợi xã hội của các nước tiếp nhận đầu tư. Các doanh nghiệp nước ngoài sở hữu những nguồn lực về công nghệ và kinh nghiệm thị trường cao hơn các doanh nghiệp nội địa. Do đó, họ sẽ mua lại hoặc đẩy các doanh nghiệp địa phương đến bờ vực phá sản để thu được lợi ích lớn hơn. Vì vậy, việc nâng cao sự đóng góp của FDI đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia phụ thuộc lớn vào mức độ trưởng thành của thị trường nội địa và lĩnh vực đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (Konings, 2001; Agosin & Mayer, 2000 và Aitken & Harrison, 1999). Cụ thể hơn, trong quá trình đánh giá tác động của FDI đến đầu tư nội địa ở các quốc gia đang phát triển tại châu Á, châu Phi và châu Mỹ Latin giai đoạn 1971 - 2000, Agosin & Mayer (2000) chỉ ra trong khi FDI góp phần đào thải đầu tư nội địa ở các quốc gia Mỹ Latin, chúng lại có tác động tích cực đến đầu tư nội địa ở các quốc gia châu Á và châu Phi. Các tác giả này cũng nêu rõ nguyên nhân là do chính phủ ở các quốc gia Mỹ Latin ít quan tâm, không có quá trình sàng lọc, và đặc biệt không có những chính sách để thu hút những công ty mong muốn hơn các quốc gia khác ở khu vực Châu Á và Châu Phi. Do đó, Agosin & Mayer (2000) đưa ra kiến nghị rằng tác động của FDI không phải lúc nào cũng cùng chiều đến đầu tư trong nước, và các chính sách về thu hút FDI đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tại các nước đang phát triển. Hơn nữa, Reiter & Steensma (2010) khẳng định dòng vốn FDI chỉ có tác động tích cực đến phát triển con người khi các chính sách về FDI hạn chế các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực có tác động tiêu cực đến đầu tư trong nước. Đồng thời, nghiên cứu cũng cho rằng FDI làm giảm sự phát triển con người ở những quốc gia có mức độ tham nhũng cao.

Những lập luận ở trên cho thấy tác động của FDI đến phát triển kinh tế và phúc lợi xã hội tại các nước

tiếp nhận đầu tư chưa thực sự rõ ràng. Nguyên nhân dẫn đến những kết luận không đồng nhất về tác động của FDI là do: (i) Một số các nghiên cứu trước đây chỉ dựa vào dữ liệu chéo và kiểm soát sự khác biệt giữa các biến theo thời gian và đặc điểm của đối tượng nghiên cứu; (ii) Những nghiên cứu gần đây chủ yếu tập trung nghiên cứu về mối quan hệ giữa FDI và hiệu quả kinh tế, điều này hạn chế xem xét kết luận về vai trò của FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện (Reiter & Steensma, 2010). Nghiên cứu của chúng tôi tập trung làm rõ ảnh hưởng của FDI đến phúc lợi xã hội bình quân đầu người được đo lường thông qua chỉ tiêu HDI. Đây là chỉ tiêu quan trọng nhất phản ánh phúc lợi xã hội bình quân trên đầu người về giáo dục, y tế và thu nhập (Sen, 1999 và UNDP, 1990). HDI cho phép đánh giá tác động của FDI đến phúc lợi xã hội ở các quốc gia đang phát triển theo thời gian.

Mặc dù có một vài nghiên cứu về ảnh hưởng của FDI đến chỉ số phát triển con người, các kết luận đưa ra vẫn còn nhiều mâu thuẫn. Basu & Azmart (2004) sử dụng mô hình hồi quy giản đơn để đánh giá mối quan hệ giữa FDI với HDI dựa trên dữ liệu về 19 quốc gia có thu nhập trung bình và 15 quốc gia có thu nhập thấp giai đoạn 1975 - 1999 và chỉ ra rằng FDI không ảnh hưởng đến HDI. Chiều ngược lại, HDI lại có tác động cùng chiều với FDI ở các quốc gia có thu nhập thấp nhưng không có ảnh hưởng ở các quốc gia có thu nhập trung bình. Reiter & Steensma (2010) sử dụng mô hình tác động cố định '*fixed effects*' để đánh giá vai trò của FDI, chính sách FDI và chỉ số tham nhũng đối với HDI cho bảng dữ liệu 49 quốc gia trong giai đoạn 1980 - 2005. Hai tác giả kết luận FDI có ý nghĩa tác động lớn đến HDI trong điều kiện hạn chế các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đầu tư vào một số lĩnh vực làm tổn hại đến các nhà đầu tư trong nước. Tuy nhiên, Bende-Nabendem và cộng sự (2001 và 2003) lại chứng minh FDI có tác động tiêu cực đến hiệu quả kinh tế trong một số nền kinh tế như Hồng Kông, Nhật Bản hay Đài Loan, hay gián tiếp làm giảm HDI. Tồn tại sự mâu thuẫn này là do các nghiên cứu trên chưa đề cập đến các vấn đề trong mô hình hồi quy bao gồm tự tương quan, các biến nội sinh trong mối quan hệ nhân quả giữa FDI và HDI (Basu & Azmart, 2004). Để khắc phục điều này, bài viết sử dụng phương pháp Dynamic-GMM estimators kết hợp với kiểm định Arellano-Bond cho tự tương quan. Đây được coi là phương pháp hiệu quả trong việc khắc phục các hiện tượng nêu trên (Roodman, 2006).

3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

3.1. Khung lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu này đánh giá tác động của FDI đến phát triển con người với giả thuyết chính là dòng vốn này thúc đẩy sự phát triển con người ở các quốc gia đang phát triển. Các nghiên cứu trước đây thường sử dụng chỉ tiêu GDP (hoặc GDP bình quân đầu người) để đo lường phúc lợi xã hội của một quốc gia (Kakwani, 1981). Tuy nhiên, GDP không tính đến các nhân tố gián tiếp góp phần thúc đẩy phúc lợi xã hội, đồng thời không cho thấy sự khác biệt giữa các quốc gia về phúc lợi xã hội (Anand & Sen, 1994, Cahill, 2005). Do đó, bài viết sử dụng chỉ số HDI được đưa ra bởi Liên hiệp quốc để đo lường phúc lợi xã hội. HDI không chỉ phản ánh sự giàu có, mà chúng còn thể hiện các khía cạnh khác như sức khỏe, trình độ giáo dục và mức sống dân cư của một quốc gia (Anand & Sen, 2000). Chỉ số này dựa trên việc tính trọng số trung bình hình học để chỉ ra sự phát triển tương đối về mặt xã hội.¹ Trong bài viết này, chỉ số HDI và các thành phần của chúng (y tế, giáo dục và thu nhập) được sử dụng làm biến phụ thuộc, điều này giúp cho việc so sánh các kết quả theo các chiều hướng khác nhau của sự phát triển con người.

Đối với các biến giải thích, đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (*FDI inflow*) - nguồn vốn chính thức và là nguồn tài trợ bên ngoài quan trọng cho phát triển kinh tế và phát triển con người, được sử dụng làm biến giải thích chính. FDI bù đắp cho những thiếu hụt ngân quỹ trong nước cho quá trình phát triển của một quốc gia (Lehnert & công sự, 2013). Một biến giải thích quan trọng nữa là sự mở cửa thương mại (xuất khẩu + nhập khẩu/GDP). Sự phát triển của các hiệp định thương mại tự do tạo ra một môi trường thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế, có thể góp phần quan trọng trong sự phát triển con người (Rodrik, 1999). Ngoài ra, chúng tôi dựa trên các nghiên cứu trước đây về đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến HDI của các tác giả Basu & Azmart (2004), Reiter & Steensman (2010) cùng với nghiên cứu của Bende-Nabendem và cộng sự (2003) để đưa vào mô hình các biến giải thích khác bao gồm: logarit của tổng dân số, lạm phát, và logarit của GDP để giảm thiểu sai số trong mô hình.

Mô hình nghiên cứu như sau:

$$Y_{it} = \beta_0 + \alpha Y_{it-1} + \beta_1 FDI_{it} + \beta_2 Trade_{it} + \beta_3 Log(Population)_{it} + \beta_4 Log(GDP)_{it} + \beta_5 Inflation_{it} + State_i + year_i + u_{it} \quad (1)$$

Trong đó Y là đại diện cho các chỉ tiêu bao gồm:

HDI, chỉ số về y tế, chỉ số về giáo dục và chỉ số về thu nhập. Thương mại (*Trade*), dân số (*Population*), tổng sản phẩm quốc nội được tính theo giá cố định năm 2016 (*GDP*); Trong mô hình còn có các biến kiểm soát bao gồm: tỷ lệ lạm phát (*Inflation*), tác động cố định về đặc điểm của các quốc gia (*State*), tác động cố định về thời gian (*year*) và sai số ngẫu nhiên (u).

Trong mô hình (1) hiện hữu hai vấn đề quan trọng làm sai lệch các hệ số ước lượng bao gồm tự tương quan và các biến nội sinh 'engogeneity'. Trong đó biến nội sinh được xem là một khuyết tật phổ biến trong hầu hết các mô hình sử dụng dữ liệu chéo. Hơn nữa, tự tương quan đồng thời cũng là một trong những hiện tượng phổ biến đối với dữ liệu chuỗi thời gian. Do đó, để thu được những ước lượng tốt nhất nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy SGMM (System Generalized Method of Moments) của Arellano & Bond (1991) để khắc phục hiện tượng tự tương quan trong dữ liệu mảng. Phương pháp này cũng phù hợp với dữ liệu mảng có thời gian ngắn và số quan sát chéo lớn. Đồng thời, để khắc phục hiện tượng tự tương quan giữa sai số (u_i) và các biến giải thích, nghiên cứu sử dụng các độ trễ như là các biến công cụ bao gồm cả biến phụ thuộc (Roodman, 2006). Cụ thể, SGMM cho phép sử dụng các giá trị trong quá khứ để làm biến công cụ hợp lệ cho các biến nội sinh. Để kiểm định tính hợp lệ của các biến công cụ này nghiên cứu dựa vào kiểm định *Hansen-J* với giả thuyết: biến công cụ không tương quan với các sai số trong mô hình hồi quy. Hơn nữa, để kiểm tra hiện tượng tự tương quan, nghiên cứu sử dụng kiểm định *Arellano-Bond* tại các mức sai phân khác nhau.

Do đó, để ước lượng các tham số của mô hình (1) thông qua phương pháp SGMM, nghiên cứu thay thế các biến bằng sai phân bậc nhất theo (Roodman, 2006) của chúng như sau:

$$\begin{aligned} \Delta Y_{it} = & \alpha \Delta Y_{it-1} + \beta_1 \Delta FDI_{it-1} + \beta_2 \Delta Trade_{it-1} + \\ & \beta_3 \Delta Log(Population)_{it-1} + \beta_4 \Delta Log(GDP)_{it-1} + \\ & \beta_5 \Delta Inflation_{it-1} + \Delta u_{it-1} \end{aligned} \quad (2)$$

Nghiên cứu dựa vào phương pháp ước lượng SGMM để ước lượng các tham số ở mô hình ban đầu nhằm loại bỏ các khuyết tật trong mô hình hồi quy (các bước tiến hành được trình bày phần Phụ lục 1). Đồng thời nghiên cứu cũng sử dụng kiểm định nghiệm đơn vị và các phương pháp ước lượng thông thường để làm cơ sở so sánh với các nghiên cứu trước đó.

3.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các dữ liệu về các biến ở trên từ các website của Ngân hàng Thế giới và UNDP để đánh giá mối quan hệ giữa FDI và HDI của nhóm 33 quốc gia châu Á từ năm 1990 đến 2015 (phụ lục 2). Các dữ liệu về chỉ số về giáo dục, y tế và thu nhập được thu thập trong giai đoạn 2010 – 2015.

Hình 1 trình bày về mức độ phân tán về mối quan hệ giữa dòng vốn FDI và HDI ở 33 quốc gia châu Á năm 2015. Kết quả cho thấy rằng Singapore, Trung Quốc và Hồng Kông có dòng vốn FDI lớn hơn rất nhiều so với những quốc gia khác. Tuy nhiên, trong khi HDI ở Singapore và Hồng Kông tương đối cao, thì ở Trung Quốc lại ở mức trung bình. Hơn nữa, dòng vốn FDI ở các quốc gia còn lại tương đối đồng đều ở mức dưới 500 triệu USD năm 2015, tuy nhiên điều đáng lưu tâm ở đây là sự phân bố HDI giữa các quốc gia có sự khác biệt rất lớn.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

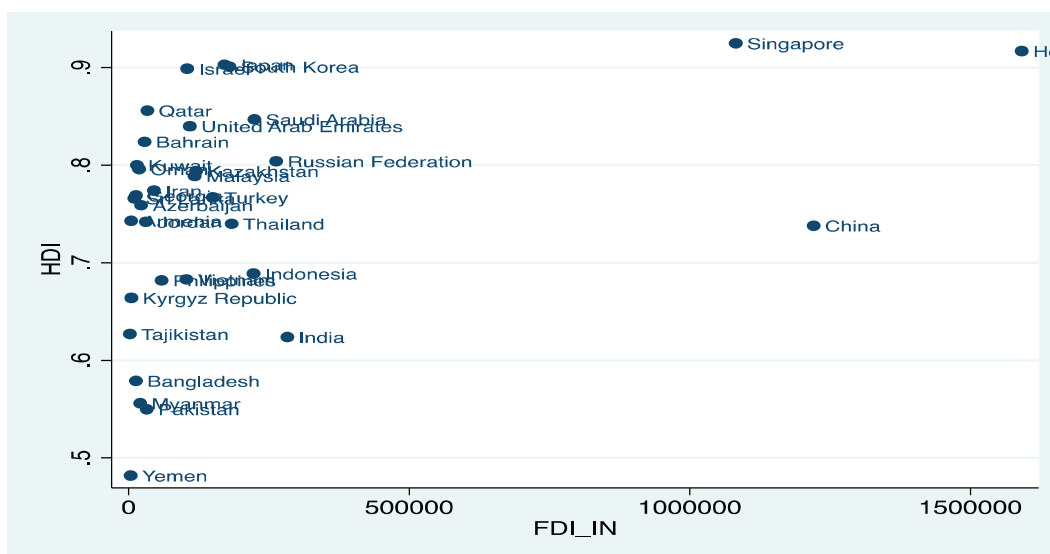
Do số liệu ở một số các quốc gia không đầy đủ, đồng thời kiểm định về thiếu dữ liệu Litter's test (Li, 2013) cho kết quả không ngẫu nhiên, nghiên cứu sử dụng dữ liệu mảng không cân bằng để phân tích tác động của FDI đến HDI. Kiểm định nghiệm đơn vị Dickey-Fuller được sử dụng để tránh việc ước lượng các tham số không đúng với giá trị thực của chúng. Kết quả kiểm định cho thấy tất cả các biến đều dừng ở mức ý nghĩa 1% sau khi lấy sai phân bậc nhất. Do đó, nghiên cứu sử dụng sai phân bậc nhất để ước lượng các tham số. Kết quả kiểm định tự tương

quan chỉ ra rằng mô hình có hiện tượng tự tương quan ở độ trễ bậc 1, nhưng không có tự tương quan ở độ trễ bậc 2 (Arellano Bond: $p_value = 0.203$). Do đó, nghiên cứu sử dụng độ trễ bậc 2 làm biến công cụ, hơn nữa kết quả của kiểm định *Hansen J* chỉ ra rằng mô hình không có sự tương quan giữa các biến giải thích và sai số ngẫu nhiên ($p_value = 1.000$). Ngoài ra, nghiên cứu áp dụng các phương pháp phổ biến để ước lượng phương trình (2).

Kết quả ở Bảng 2 trình bày ước lượng về tác động của FDI đến HDI. Trong đó cột 1 trình bày kết quả từ SGMM, cột 2 và 3 trình bày kết quả ước lượng thông qua mô hình tác động cố định và mô hình tác động ngẫu nhiên, cột 4 sử dụng phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát. Kết quả ước lượng SGMM trái ngược với giả thuyết ban đầu của nghiên cứu. Cụ thể, FDI có tác động ngược chiều hay làm giảm phúc lợi xã hội ở mức ý nghĩa 1%. Nói một cách khác, thu hút càng nhiều FDI làm giảm chỉ số phát triển con người ở các quốc gia tiếp nhận.

Kết quả ước lượng từ mô hình tác động cố định lại gợi ý FDI có tác động ngược chiều tới HDI, trái với kết quả từ việc sử dụng các mô hình tác động ngẫu nhiên. Tuy nhiên, các kết quả này đều không có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Cần lưu ý rằng, các mô hình FE, RE và GLS không tính đến điều kiện về các biến nội sinh và tự tương quan điều này dẫn đến các sai lệch trong ước lượng các tham số (Wooldridge, 2010). Các lý thuyết về phát triển kinh tế đưa ra lập luận rằng FDI đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia tiếp nhận thông

Hình 1: Mức độ phân tán mối quan hệ giữa FDI và HDI ở các quốc gia châu Á năm 2015



Nguồn: UNDP (2017)

Bảng 1: Kết quả ước lượng tác động mối quan hệ FDI và HDI

Biến phụ thuộc: HDI	SGMM	OLS: FE	OLS: RE	FGLS
	(1)	(2)	(3)	(4)
HDI_Độ trễ bậc nhất	0.97497 (0.00892)***	0.29188 (0.04672)***	0.34840 (0.04261)***	0.16121 (0.06681)**
FDI	$-4.86 \cdot 10^{-9}$ ($1.50 \cdot 10^{-9}$)***	$-1.31 \cdot 10^{-9}$ ($2.39 \cdot 10^{-9}$)	$4.46 \cdot 10^{-10}$ ($3.16 \cdot 10^{-9}$)	$-4.72 \cdot 10^{-8}$ ($1.44 \cdot 10^{-7}$)
Thương mại	0.000028 ($5.85 \cdot 10^{-6}$)***	0.000014 (0.000012)	0.000018 (0.000012)	$7.45 \cdot 10^{-6}$ (0.000034)
Log(dân số)	-0.00115 (0.00081)	-0.06026 (0.02096)***	-0.04621 (0.00863)***	0.03765 (0.09956)
Lạm phát	$-3.28 \cdot 10^{-6}$ ($3.12 \cdot 10^{-6}$)	$1.10 \cdot 10^{-7}$ ($1.75 \cdot 10^{-7}$)	$2.00 \cdot 10^{-7}$ ($2.13 \cdot 10^{-7}$)	-0.000021 (.000044)
Log(GDP)	0.00255 (0.00108)**	0.04604 (0.00631)***	0.04269 (0.005611)***	0.04651 (0.01215)***
Hệ số chặn	-	0.00297 (0.00051)***	0.002519 (0.00037)***	0.00257 (0.00129)**
Wald Chi_squared	-	-	471.10	471.70
Số quan sát	751	718	718	718
Số lượng quốc gia	33	33	33	33
Hansen J: <i>p_value</i>	1.000	-	-	-
Arellano Bond: <i>p_value</i>	0.203	-	-	-

Ghi chú: Giá trị độ lệch chuẩn mạnh trong ngoặc, để khắc phục hiện tượng tự tương quan do đó SGMM sử dụng độ trễ bậc 2 là biến công cụ, FE: mô hình tác động cố định, RE: mô hình tác động ngẫu nhiên; FGLS: hồi quy bình phương tối thiểu tổng quát, kiểm định Hausman lựa chọn mô hình tác động ngẫu nhiên, và * $p < 0.1$ ** $p < 0.05$ và *** $p < 0.1$

qua các đóng góp về tạo việc làm, tăng cường vốn đầu tư và gián tiếp thông qua tác động lan toả công nghệ. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi lại làm sáng tỏ tác động ngược chiều của FDI tới phúc lợi nói chung của các nước tiếp nhận đầu tư, như đã được chứng minh trong nghiên cứu của Reiter & Steensma (2010): FDI làm tăng mức độ tập trung của ngành công nghiệp, làm suy thoái các công ty nội địa; quan trọng hơn, FDI không đưa những công nghệ tiên tiến đến với quốc gia tiếp nhận nó, do đó hiệu quả sản xuất không cao và làm giảm chỉ số phát triển con người.

Liên quan đến các yếu tố khác trong mô hình nghiên cứu, kết quả ước lượng chỉ ra rằng độ lệch HDI ở thời kỳ trước đó có quan hệ thúc đẩy chặt chẽ đến tốc độ tăng lên của HDI ở thời kỳ hiện tại ($b = 0.97497$; $p < 0.01$). Hơn nữa, thương mại càng cao thì càng có ý nghĩa trong việc thúc đẩy chỉ số HDI. Ngoài ra, trong khi dân số và tỷ lệ lạm phát đều có tác động ngược chiều với HDI nhưng các hệ số này không có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Chiều ngược

lại, kết quả nghiên cứu cung cấp thêm thông tin về vai trò của GDP trong việc thúc đẩy chỉ số HDI.

Kết quả ước lượng tác động của FDI đến các thành phần đo lường phúc lợi xã hội được thể hiện trong Bảng 2. Do dữ liệu về chỉ số giáo dục, y tế và thu nhập được đề cập đầy đủ trong giai đoạn 2010 – 2015, nghiên cứu sử dụng phương pháp SGMM đối với dữ liệu mảng cân bằng. Kiểm định *Arellano Bond* và *Hansen J* chỉ ra rằng mô hình không có hiện tượng tự tương quan, bên cạnh đó cũng không có tương quan giữa các biến giải thích và sai số ngẫu nhiên sau khi mô hình lựa chọn các độ trễ tương ứng. Kết quả ước lượng chỉ ra FDI có tác động ngược chiều đến chỉ số y tế, chỉ số giáo dục và chỉ số về thu nhập (lần lượt ở cột 2, 3 và 4, Bảng 2), nhưng hệ số ước lượng thu được không có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Kết quả này trái với kỳ vọng ban đầu của nghiên cứu, đồng thời trái với các kết quả thu được từ nghiên cứu của Lehnert & cộng sự (2013). Đối với sự tác động của thương mại đến các thành phần đo lường phúc lợi xã hội, kết quả chỉ ra yếu tố này có

Bảng 2: Kết quả ước lượng đánh giá tác động của FDI đến các thành phần của HDI

Biến phụ thuộc Biến giải thích	SGMM HDI	SGMM Chỉ số y tế	SGMM Chỉ số về giáo dục	SGMM Chỉ số về thu nhập
	(1)	(2)	(3)	(4)
Độ trễ bậc nhất	0.97497 (0.00892)***	0.99808 (0.00518)***	0.94599 (0.02380)***	0.77369 (0.16335)**
FDI	$-4.86 \cdot 10^{-9}$ ($1.50 \cdot 10^{-9}$)***	$-3.32 \cdot 10^{-9}$ ($2.08 \cdot 10^{-9}$)	$-5.14 \cdot 10^{-9}$ ($5.58 \cdot 10^{-9}$)	$-2.67 \cdot 10^{-8}$ ($1.91 \cdot 10^{-8}$)
Thương mại	0.000028 ($5.85 \cdot 10^{-6}$)***	0.0000257 (0.000012)**	0.000016 (0.0000329)	0.000144 (0.000084)*
Log(dân số)	-0.00115 (0.00081)	0.001702 (0.000656)**	-0.00550 (0.00334)	-0.02356 (0.02221)
Lạm phát	$-3.28 \cdot 10^{-6}$ ($3.12 \cdot 10^{-6}$)	0.000070 (0.000022)***	0.00023 (0.000066)***	-0.00028 (0.00010)**
Log(GDP)	0.00255 (0.00108)**	-0.001137 (0.000624)*	0.0073594 (0.003412)**	0.03110 (0.02643)
Số quan sát	751	164	164	164
Số lượng quốc gia	33	33	33	33
Hansen J: <i>p_value</i>	1.000	0.871	0.562	0.730
Arellano Bond: <i>p_value</i>	0.203	0.405	0.102	0.700

Ghi chú: Giá trị độ lệch chuẩn mạnh trong ngoặc (); Để khắc phục hiện tượng tự tương quan mô hình 2 và 4 sử dụng độ trễ bậc 1 là biến công cụ, mô hình 3 sử dụng độ trễ bậc 2 làm biến công cụ; * $p < 0.1$ ** $p < 0.05$ và *** $p < 0.1$

vai trò thúc đẩy chỉ số y tế và chỉ số thu nhập ở mức ý nghĩa lần lượt là 5% và 10%, nhưng lại không có ý nghĩa trong việc thúc đẩy chỉ số giáo dục. Trong khi đó, dân số có tác động cùng chiều với chỉ số y tế, yếu tố này lại không có ý nghĩa làm giảm chỉ số về giáo dục và thu nhập. Mặt khác, tỷ lệ lạm phát cao thúc đẩy chỉ số về y tế và giáo dục nhưng lại làm giảm chỉ số về thu nhập. Điều này lý giải tác động của lạm phát và dân số là chưa rõ ràng trong phát triển con người. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng trong khi GDP có tác động thúc đẩy chỉ số về giáo dục, yếu tố này lại có tác động làm giảm chỉ số y tế và có ý nghĩa đối với sự gia tăng chỉ số thu nhập.

5. Kết luận

Bài viết đánh giá vai trò của dòng vốn FDI đối với phúc lợi xã hội được đo lường thông qua chỉ số phát triển con người (HDI) ở các quốc gia Châu Á giai đoạn 1990 – 2015. Kết quả thu được trái với kỳ vọng ban đầu. Cụ thể, trong khi các lý thuyết chỉ ra rằng FDI thúc đẩy chỉ số HDI, kết quả nghiên cứu

chỉ ra rằng thu hút FDI có tác động tiêu cực đến chỉ số phát triển con người ở các quốc gia tiếp nhận đầu tư. Do đó, chúng tôi ủng hộ quan điểm dòng vốn FDI làm tăng mức độ tập trung của ngành công nghiệp, làm suy thoái các công ty nội địa. Quan trọng hơn, dòng vốn FDI không đưa những công nghệ tiên tiến đến với quốc gia đang phát triển. Những điều trên dẫn đến hiệu quả sản xuất của các nước tiếp nhận đầu tư không cao và làm giảm chỉ số phát triển con người. Ngoài ra, tác động của FDI đến các thành phần của HDI chưa được rõ ràng. Kết quả nghiên cứu cho thấy dòng vốn FDI có tác động ngược chiều đến chỉ số y tế, chỉ số giáo dục và chỉ số thu nhập, nhưng hệ số ước lượng thu được không có ý nghĩa thống kê, điều này có thể là do dữ liệu về các chỉ số chỉ được thu thập trong giai đoạn ngắn (5 năm). Do đó, các quốc gia châu Á cần áp dụng các chính sách về hạn chế các nhà đầu tư nước ngoài ở một số lĩnh vực làm giảm hay suy thoái các doanh nghiệp nội địa, đồng thời cam kết áp dụng các công nghệ hiện đại nhất vào sản xuất.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các bước tiến hành phương pháp Arellano-Bound SGMM

Đầu tiên, phương trình 1 được biểu diễn như sau:

$$Y_{it} = \alpha Y_{i,t-1} + \beta' X_{i,t-1} + \eta_i + \tau_i + \varepsilon_{it} \quad (3)$$

Trong đó, Y là biến phụ thuộc, X đại diện cho vector ma trận các biến giải thích, η_i đặc điểm cố định của các quốc gia trong nghiên cứu, τ_i đại diện cho các tác động cố định về thời gian, và ε_{it} là cái sai số ngẫu nhiên ở quốc gia i và thời gian t .

Tiếp theo, nhằm loại bỏ các tác động về đặc điểm của các quốc gia, ta lấy sai phân hai vế của phương trình 3 thu được:

$$Y_{it} - Y_{i,t-1} = \alpha(Y_{i,t-1} - Y_{i,t-2}) + \beta'[X_{i,t} - X_{i,t-1}] + \varepsilon_{i,t} - \varepsilon_{i,t-1} \quad (4)$$

$$\text{Hay, } \Delta Y_{it} = \alpha \Delta Y_{i(t-1)} + \beta' \Delta X_{i,t} + \Delta \varepsilon_{i,t},$$

Như vậy thông qua thay đổi dạng mô hình các yếu tố tác động cố định sẽ bị loại trừ.

Bước 3, nghiên cứu dựa vào các nghiên cứu trước đó để xác định các biến nội sinh bao gồm HDI, GDP, FDI và thương mại và các biến ngoại sinh bao gồm dân số và tỷ lệ lạm phát.

Cuối cùng, nghiên cứu sử dụng các độ trễ khác nhau để hình thành các biến công cụ cho các biến nội sinh. Kết hợp với các kiểm định về tự tương quan và đánh giá tính khả quan của các biến công cụ thông qua các kiểm định *Hanse-J*.

Phụ lục 2: Các quốc gia được đề cập trong nghiên cứu và xếp hạng chỉ số HDI

Rank HDI	Quốc gia	Rank HDI	Quốc gia	Rank HDI	Quốc gia
84	Armenia	17	Japan	33	Qatar
78	Azerbaijan	86	Jordan	49	Russian Federation
47	Bahrain	56	Kazakhstan	38	Saudi Arabia
139	Bangladesh	18	South Korea	5	Singapore
90	China	51	Kuwait	73	Sri Lanka
70	Georgia	120	Kyrgyzstan	129	Tajikistan
12	Hong Kong	59	Malaysia	87	Thailand
131	India	145	Myanmar	71	Turkey
113	Indonesia	52	Oman	42	United Arab Emirates
69	Iran	147	Pakistan	115	Viet Nam
19	Israel	116	Philippines	168	Yemen

Nguồn: UNDP (2017)

Ghi chú:

1. Anand và Sen (2000) Chỉ số HDI được tính toán hàng năm từ UNDP thông qua trung bình của ba thành phần: chỉ số y tế, giáo dục, và logarit của tổng sản phẩm quốc nội trên đầu người cụ thể: $HDI = (I_{Health} \times I_{Education} \times I_{Income})^{1/3}$

Tài liệu tham khảo

- Agosin, M. R., & Machado, R. (2005), 'Foreign Investment in Developing Countries: Does it Crowd in Domestic Investment?', *Oxford Development Studies*, 33(2), 149-162.
- Agosin, M. R., & Mayer, R. (2000), 'Foreign investment in developing countries: Does it crowd in domestic investment?', UNCTAD Discussion Paper No. 146, Geneva: UNCTAD.
- Aitken, B. J., & Harrison, A. E. (1999), 'Do Domestic Firms Benefit from Direct Foreign Investment? Evidence from Venezuela', *The American Economic Review*, 89(3), 605- 618.
- Aitken, B., Harrison, A., & Lipsey, R. E. (1996). Wages and foreign ownership A comparative study of Mexico, Venezuela, and the United States. *Journal of International Economics*, 40(3-4), 345-371.
- Al-Sadig, A. (2013), 'The Effects of Foreign Direct Investment on Private Domestic Investment: Evidence from Developing Countries. *Empirical Economics*', 44(3), 1267-1275.
- Anand, S., & A. Sen. 2000, 'The Income Component of the Human Development Index', *Journal of Human Development and Capabilities*, 1(1), 83-106.
- Anand, S., & Sen, A. K. (1994), 'Human development index: Methodology and measurement', Retrieved November 14, 2006, from <http://hdr.undp.org/publications/papers.cfm>.
- Arellano, M., & Bond, S. (1991), 'Some tests of specification for panel data: Monte Carlo evidence and an application to employment equation', *Review of Economic Studies*, 58, 277-297.
- Basu, S., & Azmat, G. (2004), 'The Effects of Foreign Direct Investment on Human Development', *Global Economy Journal*, 4(2), 1-14
- Bende-Nabende, A., Ford, J. L. & Slater, J. (2001), 'FDI, regional economic integration and endogenous growth, some evidence from Southeast Asia', *Pacific Economic Review*, 6, 383- 399.
- Bende-Nabende, A., Ford, J., Santoso, B., & Sen, S. (2003), 'The interaction between FDI, output and the spillover variables: Co-integration and VAR analyses for APEC, 1965-99', *Applied Economics Letters*, 10(3), 165-172.
- Birdsall, N., de la Torre, A., & Valencia Caicedo, F. (2010), 'The Washington Consensus: Assessing a Damaged Brand', Policy Research Working Paper, Office of the Chief Economist Latin America and the Caribbean Region & Center for Global Development. The World Bank.
- Borensztein, E., De Gregorio, J., & Lee, J.-W. (1998), 'How does foreign direct investment affect economic growth?', *Journal of International Economics*, 45(1), 115-135.
- Cahill, M. B. (2005), 'Is the human development index redundant?', *Eastern Economic Journal*, 31(1), 1-5.
- De Mello, L. R. (1999), 'Foreign direct investment-led growth: evidence from time series and panel data', *Oxford Economic Papers*, 51(1), 133-151.
- Feenstra, R. C., & Hanson, G. H. (1997), 'Foreign direct investment and relative wages: Evidence from Mexico's maquiladoras', *Journal of International Economics*, 42(3-4), 371-393
- Kakwani, N. (1981), 'Welfare measures: An international comparison', *Journal of Development Economics*, 8(1), 21-45.
- Konings, J. (2001), 'The effects of foreign direct investment on domestic firms. *Economics of Transition*', 9(3), 619-633.
- Lehnert, K., Benmamoun, M., & Zhao, H. (2013). 'FDI Inflow and Human Development: Analysis of FDI's Impact on Host Countries' Social Welfare and Infrastructure', *Thunderbird International Business Review*, 55(3), 285-298.
- Li, C. (2013), 'Little's test of missing completely at random', *Stata Journal*, 13(4), 795-809.
- Li, X., & Liu, X. (2005), 'Foreign Direct Investment and Economic Growth: An Increasingly Endogenous Relationship', *World Development*, 33(3), 393-407.

- Mallampally, P. & Sauvant, K.P. (1999), 'Foreign Direct Investment in Developing Countries', *Finance and Development*, 36 (1), 34-37.
- Reiter, S. L., & Steensma, H. K. (2010), 'Human Development and Foreign Direct Investment in Developing Countries: The Influence of FDI Policy and Corruption', *World Development*, 38(12), 1678-1691.
- Rodrick, D. (2006), 'Goodbye Washington Consensus, Hello Washington Confusion?', *Journal of Economic Literature*, December, (4), 973-987.
- Rodrik, D. (1999), *The new global economy and developing countries: Making openness work*, Washington, DC: Overseas Development Council.
- Roodman. (2006), *How to do xtabond2: an introduction to "Difference" and "System" GMM in Stata*, Working Paper Number 103, Center for Global Development.
- Sen, A. (1995), 'Demography and welfare economics', *Empirica*, 22(1), 1-21.
- Sen, A. (1998), 'Mortality as an Indicator of Economic Success and Failure', *The Economic Journal*, 108 (1), 1-25.
- Sen, A. (1999), *Development as Freedom*, Oxford, Oxford University Press, Review in Asia Times
- Todaro, M. P. (1989), *Economic development in the Third World*, New York: Longman, 4th edition, DOI: 0582044405/734
- UNCTAD (2017), *World Investment Report 2002*, United Nations, New York and Geneva.
- UNDP. (1990), *Human development report*, New York: Oxford University Press for the United Nations Development Program, New York, <http://hdr.undp.org>
- UNDP. (2017), *Human development report 2004*, New York: United Nations Development Programme, New York. <http://hdr.undp.org>
- Vernon, R. (1966), 'International investment and international trade in the product cycle', *The Quarterly Journal of Economics*, 80(2), 190-207.
- Wooldridge, J. M. (2010), *Econometric Analysis of Cross Section and Panel Data*, Cambridge, Mass: MIT press
- Zhang, K. H. (2001), 'Does Foreign Direct Investment Promote Economic Growth? Evidence from East Asia and Latin America', *Contemporary Economic Policy*, 19(2), 175-185.